

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày 25 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Vân, bà Mua Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Quỳnh Trang là Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Lài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 đối với:

Bị cáo **Tần A S**; sinh năm 1966, tại xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Lùng B, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tần Seo S, sinh năm 1933 (đã chết) và bà Châu Thị C, sinh năm: 1931; vợ: Tần Thị S, sinh năm: 1966; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Lan – Trợ giúp viên pháp lý; Địa chỉ nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Bị hại: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình Nam N; Địa chỉ: Tổ 01, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Bà Nguyễn Thu T; chức danh: Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Phùng Viết L; sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn Lùng B, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Cháng Thìn D, sinh ngày 23/3/2008; Người giám hộ, Cháng Phà M, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Thôn Phú T 2, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Xìn Quang V, sinh ngày 25/10/2007; Người giám hộ, Xìn Văn T, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Thôn Thèn P, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. Lù Duy Tr, sinh ngày 23/01/2010; Người giám hộ, Lù Hồng Q, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Thôn Sáo H, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

4. Lò Văn Th, sinh ngày 15/12/2008; Người giám hộ, Lò Cò P, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: Thôn Sáo H, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

5. Phan Chử V, sinh ngày 13/10/2008; Người giám hộ, Phan Tờ T, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Thôn Na P, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Dao*: Ông Sìn A Quân; địa chỉ: Tổ 04 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 04/5/2022 đến ngày 06/05/2022, Tẩn A S, sinh năm 1966, trú tại thôn Lùng B, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang đã 03 lần liên tiếp thực hiện hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại thôn Lùng B, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 22 giờ, ngày 04 tháng 5 năm 2022, Tẩn A S đang ngủ ở nhà thì có Cháng Thìn D, sinh ngày 23/3/2008 trú tại thôn Phú T 2, xã Na K, huyện Y; Phan Chử V, sinh ngày 13/10/2008, trú tại thôn Na P, xã Na K, huyện Y cùng là học sinh lớp 8 Trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Na K và Xìn Quang V, sinh ngày 25/10/2007, trú tại thôn Thèn P, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang là học sinh lớp 9 Trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Na K đến gọi S và hỏi “có mua sắt không” thì S hỏi “lấy sắt ở đâu về”, D và Phan Chử V trả lời “lấy trộm trên Tr học”, S không nói gì và mua 10 Th sắt dạng tròn, soắn màu đen có nhiều vết rỉ có kích thước khác nhau của Cháng Thìn D, Phan Chử V và Xìn Quang V với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), D là người cầm tiền do S trả.

Lần thứ hai: Khoảng 22 giờ ngày 05 tháng 05 năm 2022, S đang ngủ ở nhà thì Cháng Thìn D, Phan Chử V và Lò Văn Th, sinh ngày 15/12/2008, trú tại thôn Sáo H, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang là học sinh lớp 8 Trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Na K đến nhà gọi S dậy và hỏi S có mua sắt nữa không, lúc này S hỏi “lấy sắt ở đâu về bán” thì Cháng Thìn D, Phan Chử V và Lò Văn Th trả lời “sắt lấy trộm ở trường”, S không nói gì và mua 06 Th sắt dạng tròn, soắn màu đen có nhiều vết rỉ có kích thước khác nhau với giá 310.000đ (ba trăm mười nghìn đồng), D là người cầm tiền do S trả.

Lần thứ ba: Khoảng 23 giờ ngày 06 tháng 05 năm 2022 khi Tẩn A S đang ngủ ở nhà thì có Lù Duy Tr, sinh ngày 23/01/2010, trú tại thôn Sáo H, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang là học sinh lớp 6 Trường Phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Na K cùng Xìn Quang V, Cháng Thìn D đến gọi S dậy và nói với S là vừa trộm cắp được sắt về bán cho S 05 Th sắt dạng tròn, soắn màu đen

có nhiều vết rỉ có kích thước khác nhau, S trả cho D, Tr, V số tiền là 280.000đ (hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 07/5/2022, Phùng Viết L là cán bộ của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình Nam N đang quản lý, thi công công trình Trường Trung học phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Na K phát hiện tài sản bị mất, đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an xã Na K, Công an xã Na K đã tiếp nhận và tiến hành điều tra, xác minh và phát hiện toàn bộ số tang vật (sắt) bị mất tại nhà Tần A S, tiến hành tạm giữ số tang vật trên và báo cáo Cơ quan điều tra Công an huyện để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra Tần A S khai nhận đã mua số sắt trên của Cháng Thìn D, Phan Chấn V, Lò Văn Th, Lù Duy Tr, Xìn Quang V trộm cắp mà có bán cho S tổng số là 21 Th sắt dạng tròn, soắn màu đen có nhiều vết rỉ có kích thước khác nhau có tổng khối lượng là 299kg (hai trăm chín mươi chín kilogam) theo biên bản cân tịnh khối lượng, xác định khối lượng tài sản ngày 07/5/2022 của Công an xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Ngày 16/5/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã có yêu cầu định giá tài sản số 20/YC-CSHS-KT-MT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Y định giá đối với tài sản mà Tần A S đã tiêu thụ. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 22/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Y, kết luận: “21 Th kim loại (sắt) dạng tròn, soắn màu đen có nhiều vết rỉ có kích thước khác nhau tại thời điểm định giá tháng 5 năm 2022 có giá là: 6.578.000 đồng (sáu triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng)”.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Phùng Viết L xác định hiện Tr nơi bị mất tài sản; cho Lù Duy Tr, Xìn Quang V và Cháng Thìn D xác định hiện Tr vị trí các đối tượng trộm cắp tài sản và cho Tần A S xác định hiện Tr nơi mua tài sản và cất dấu tài sản. Kết quả xác định hiện Tr đều phù hợp với lời khai của Cháng Thìn D cùng Phan Chấn V, Xìn Quang V, Lò Văn Th và Lù Duy Tr cùng các tài liệu chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án: 21 (hai mươi một) Th kim loại dạng tròn, soắn màu đen có nhiều vết rỉ, tổng khối lượng là 299 kg (hai trăm chín mươi chín kilogam). Quá trình điều tra, người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông Phùng Viết L có đơn xin lại tài sản nên ngày 28/07/2022 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 08/QĐ-CSHS-KTMT, trả lại toàn bộ vật chứng vụ án cho ông Phùng Viết L.

Bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS-YM ngày 09/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Tần A S về tội “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tần A S từ

18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Miễn khấu trừ thu nhập và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Tần A S về tội “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người khuyết tật nặng, thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do vậy người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ cũng đủ thời gian giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật và đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Về tội danh, áp dụng điều luật và các vấn đề khác đề nghị áp dụng đối với bị cáo, người bào chữa có cùng quan điểm với Viện kiểm sát nên Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận. Đối với đề nghị áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo, Viện kiểm sát đã xem xét trên cơ sở nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, do vậy Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị áp dụng cả tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Bị cáo nhất trí với Luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo không ai có ý kiến đối đáp, tranh luận thêm và không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông Phùng Viết Lượng, vắng mặt những người làm chứng và người giám hộ của họ; xét thấy việc ông Lượng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, những người làm chứng và người giám hộ vắng mặt đã có lời khai, không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo trước tòa phù hợp với các Biên bản, sơ đồ, bản ảnh xác định hiện trường, các lời khai của bị cáo, của người đại diện theo ủy quyền của bị hại cùng toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Tại phiên tòa bị cáo Tần A S một lần nữa thừa nhận, trong thời gian từ ngày 4/5/2022 đến ngày 06/5/2022, bị cáo đã liên tiếp 03 lần thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại thôn Lũng B, xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang, cụ thể: Ngày 04/5/2022 bị cáo mua 10 Th sắt dạng tròn, soắn màu đen có nhiều vết rỉ của Cháng Thìn D cùng Phàn Chấn V, Xìn Quang V với giá 300.000 đồng; ngày 05/5/2022 bị cáo mua 06 Th sắt dạng tròn, soắn màu đen có nhiều vết rỉ của Cháng Thìn D cùng Phàn Chấn V, Lò Văn Th với giá 310.000 đồng; ngày 6/5/2022 bị cáo tiếp tục mua 05 Th sắt dạng tròn, soắn màu đen có nhiều vết rỉ của Cháng Thìn D, Xìn Quang V và Lò Duy Tr với giá 280.000 đồng; Tổng 21 Th kim loại (sắt) dạng tròn, soắn màu đen có nhiều vết rỉ có kích thước khác nhau có tổng trọng lượng 299kg (hai trăm chín mươi chín kilogam) bị cáo biết do Cháng Thìn D, Phàn Chấn V, Lò Văn Th, Lò Duy Tr, Xìn Quang V trộm cắp được của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình Nam N đang thi công tại Trường Trung học phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Na K bán rẻ nên bị cáo mua có trị giá 6.578.000đ theo kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 22/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Y, tỉnh Hà Giang.

[5] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo về tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y là có căn cứ, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Tần A S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương, trong khi bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì mục đích ham rẻ nên đã cố ý phạm tội; do vậy, cần xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự, với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội, biết tuân thủ các quy định của Nhà nước và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người khuyết tật nặng, thuộc hộ nghèo và là dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa đối với bị cáo.

[9] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và có nơi cư trú rõ ràng; xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt cải tạo không giam giữ như Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đã đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, đảm bảo được sự giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[10] Về việc khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự, bị cáo bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước, tuy nhiên xét thấy bị cáo có thu nhập thấp và không ổn định, là người khuyết tật nặng, thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do vậy miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[11] Về áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng: Bị cáo là người khuyết tật nặng nên không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[12] Về hình phạt bổ sung: Xét, bị cáo không có công việc, tài sản riêng và thu nhập ổn định, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[14] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho người đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Phùng Viết L 21 Th kim loại dạng tròn, sơn màu đen có nhiều vết rỉ, tổng khối lượng là 299 kg theo Quyết định xử lý vật chứng số 08/QĐ-CSHS-KTMT ngày 28/7/2022 là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[15] Đối với hành vi trộm cắp tài sản là 21 Th kim loại (sắt) dạng tròn, sơn màu đen có nhiều vết rỉ của Cháng Thìn D, Phàn Chấn V, Lò Văn Th, Lù Duy Tr, Xìn Quang V, quá trình điều tra xác định tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản Cháng Thìn D mới 14 tuổi 01 tháng 11 ngày, Phàn Chấn V mới 13 tuổi 6 tháng 19 ngày, Xìn Quang V mới 14 tuổi 6 tháng 9 ngày, Lò Văn Th mới 13 tuổi 4 tháng 21 ngày, Lù Duy Tr mới 12 tuổi 03 tháng 13 ngày; trong đó Cháng Thìn D, Xìn Quang V khi thực hiện hành vi trộm cắp khi chưa đủ 16 tuổi, Phàn Chấn V, Lò Văn Th và Lù Duy Tr thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khi chưa đủ 14 tuổi (chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự); hành vi phạm tội

của D, V, Th, Tr và Xin Quang V là ít nghiêm trọng nên căn cứ khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 157 Bộ luật tố tụng hình sự Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp tài sản mà tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với Cháng Thìn D và Xin Quang V bằng hình thức cảnh cáo còn Lù Duy Tr, Lò Văn Th và Phàn Chấn V là người dưới 14 tuổi nên tiến hành nhắc nhở và bàn giao cho gia đình, nhà trường quản lý, giáo dục là đúng quy định của pháp luật; đối với số tiền 890.000 đồng do D, V, Th, Tr và Xin Quang V bán sắt trộm cắp thu được, các đối tượng đã chia nhau tiêu xài cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[16] Về án phí: Xét thấy bị cáo là người khuyết tật, dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa: Căn cứ nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện và đề nghị tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên các đề nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận, không chấp nhận đề nghị áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đề nghị mức hình phạt của người bào chữa cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Tần A S, phạm tội “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Tần A S 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Na K, huyện Y, tỉnh Hà Giang nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục; gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành án vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về án phí: Miễn nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tần A S.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện theo ủy quyền của bị hại có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKS tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 10, PC 11, PV 06 CAT HG;
- VKS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- UBND xã Na K;
- Bị cáo, bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh